UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3093 /QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 13 tháng 10 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá đất ở cụ thể, giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với 20 thửa đất tại khu biệt thự Km4-Km5 phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTC ngày 05/01/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất; Thông tư số 14/2015/TTLT-BTTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Liên Bộ: Tài nguyên và Môi trường - Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế bán đấu giá tài sản Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 07/4/2015 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê đất;

Xét đề nghị của Liên ngành: Tài nguyên và Môi trường - Tài chính tại Tờ trình Liên ngành số: 522/TTr-LN ngày 10/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt giá đất ở cụ thể, giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với 20 thửa đất tại khu biệt thự Km4-Km5 phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột.

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo)

Mức giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với 20 thửa đất nêu trên chưa bao gồm các khoản thuế, phí và lệ phí theo quy định. Khi giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường tăng hoặc giảm trên 20% hoặc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố Buôn Ma Thuột có sự thay đổi tại vị trí của các thửa đất trên, UBND thành phố Buôn Ma Thuột có trách nhiệm lập lại phương án, báo cáo các Sở, ngành có liên quan xem xét, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh.

Điều 2: UBND thành phố Buôn Ma Thuột chịu trách nhiệm xác định chính xác về kích thước, diện tích của từng thửa đất và phân lô cắm mốc ngoài thực địa trước khi tổ chức đấu giá.

Giao Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp đặc biệt của tỉnh tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất 20 thửa đất trên đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT (TVT-b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Hà

Phụ lục

Giá đất ở cụ thể, giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với 20 thửa đất tại khu biệt thự Km4-Km5 phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột

Kèm theo Quyết định số 3093/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk

TT	Thửa đất	Diện tích (m2)	Số thửa	Hệ số góc	Giá đất ở theo QĐ 43/QĐ-UBND (đồng/m2)	Giá đất ở cụ thể (đồng/m2)	Giá khởi điểm (đồng/thửa)	Ghi chú
	Lô D0-BT03		**9**					
1	Thửa BT03-01	322,75	1	1,15	7.000.000	16.000.000	5.939.000.000	
2	Thửa BT03-09	319,73	1	1,15	7.000.000	16.000.000	5.883.000.000	
3	Từ BT03-10 đến BT03-15	280,00	6	1	7.000.000	14.000.000	3.920.000.000	
4	Thửa BT03-16	302,72	1	1,15	7.000.000	14.000.000	4.874.000.000	
	Lô D0-T04		**11**					
5	Thửa BT04-01	353,47	1	1,15	7.000.000	13.500.000	5.488.000.000	
6	Từ BT04-02 đến BT03-10	300,00	9	1	7.000.000	13.500.000	4.050.000.000	
7	Thửa BT04-11	342,21	1	1,1	7.000.000	13.500.000	5.082.000.000	
Tổng		**6.020,88**	**20**					